

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2022/KDTM-PT**

Ngày: 01-8-2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn L

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn T

Ông Nguyễn Chí D

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ T – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/5/2022, ngày 24/6/2022 và ngày 01/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2022/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2022/QĐXXPT-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn A - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn A: Ông Lê T, sinh năm 1982 (theo văn bản ủy quyền ngày 04/9/2020).

Cùng địa chỉ: Lô M, đường số 01 KCN T, xã T, huyện C, tỉnh K.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Phan T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan T: Ông Vũ T, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 103, đường C, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 11/5/2022).

Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K trình bày như sau:

Từ năm 2018 đến năm 2020, Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K (còn viết tắt là Công ty gỗ K) có ký kết 02 (hai) hợp đồng mua bán các loại ván gỗ MDF với Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C (còn viết tắt là Công ty C) Hợp đồng nguyên tắc số: 42/2019/HĐNT ngày 01/01/2019 và Hợp đồng nguyên tắc số: 081/2020/HĐNT, ngày 02/01/2020 với tổng số tiền mua bán là 6.442.432.822đ, tương ứng với 34 hóa đơn. Theo thỏa thuận giữa các bên kể từ ngày giao hàng, bên mua phải trả đủ số tiền theo hóa đơn trong hạn 30 ngày, nếu sau 30 ngày bên mua không thanh toán đủ thì phải chịu lãi đến ngày 21/5/2021. Từ khi mua bán đến nay Công ty C đã trả cho Công ty gỗ K 4.942.044.181đ, còn nợ vốn 1.500.388.641đ và lãi 333.295.727đ, cụ thể như sau:

1. Ngày 06/04/2018, Công ty gỗ K có giao 01 xe ván MDF với số lượng là 40m³ đến 45m³, giá 198.429.963đ cho Công ty C, xuất Hóa đơn số 0002177, đến ngày 7/5/2018 Công ty C trả đủ.

2. Ngày 03/05/2018, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, xuất hóa đơn số 0002318 với số tiền 192.692.314đ cho Công ty C, đến ngày 20/6/2018 Công ty C thanh toán đủ tiền.

3. Ngày 23/5/2018, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0002406 với số tiền 197.675.338đ cho Công ty C, đến ngày 10/7/2018 thanh toán đủ.

4. Ngày 10/07/2018, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000173 với số tiền 196.135.431đ cho Công ty C, đến ngày 14/9/2018 công ty C thanh toán đủ.

5. Ngày 11/07/2018, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000186 với số tiền 206.260.498đ cho Công ty C, đến ngày 18/10/2018 đã trả đủ.

6. Ngày 18/10/2018, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000816 với số tiền 188.227.734đ cho Công ty C, đến ngày 26/11/2018 đã trả đủ.

7. Ngày 9/11/2018, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000966 với số tiền 236.385.235đ cho Công ty C, đến ngày 21/01/2019 đã trả đủ nhưng trễ hạn 43 ngày, tính lãi 0.83%/tháng là 282.991đ.

8. Ngày 26/11/2018, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, với hóa đơn số 0001063 với số tiền 227.058.150đ cho Công ty C, đến ngày 21/01/2019 thanh toán đủ nhưng trễ hạn 26 ngày, phát sinh lãi 1.672.662đ.

9. Ngày 21/01/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0001458 với số tiền 109.040.553đ cho Công ty C, đến ngày 06/03/2019 trả đủ nhưng trễ 14 ngày, tính lãi 432.528đ.

10. Ngày 21/01/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0001459 với số tiền 117.424.379đ cho Công ty C, đến ngày 06/03/2019 thanh toán đủ nhưng trễ 14 ngày, phát sinh lãi chậm trả 465.783đ.

11. Ngày 22/01/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0001475 với số tiền 112.835.577đ cho Công ty C, đến ngày 6/3/2019 thanh toán 3.535.068đ nhưng trễ hạn 13 ngày, phát sinh lãi 13.021đ và đến ngày 18/3/2019 thanh toán số còn lại 109.300.509đ nhưng trễ hạn 25 ngày, phát sinh lãi 774.212đ.

12. Ngày 22/01/2019 Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF cho Công ty C, hóa đơn số 0001476 với số tiền 104.296.381đ, đến ngày 18/03/2019 thanh toán 90.699.491đ, trễ hạn 25 ngày, phát sinh lãi 642.455đ và đến ngày 24/4/2019 thanh toán số còn lại 13.596.890đ nhưng trễ hạn 62 ngày, phát sinh lãi 238.852đ.

13. Ngày 06/03/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0001670 với số tiền 232.960.223đ cho Công ty C, đến ngày 24/04/2019 trả 136.403.110đ nhưng trễ hạn 19 ngày tính lãi 136.403.110đ và đến ngày 14/5/2019 thanh toán số còn lại 96.557.113đ nhưng trễ hạn 39 ngày, phát sinh lãi 1.066.956đ.

14. Ngày 18/03/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0001733 với số tiền 462.852.673đ cho Công ty C, đến ngày 14/05/2019 trả 53.442.887đ, quá hạn 27 ngày, lãi chậm thanh toán 408.838đ; đến ngày 07/06/2019 trả 200.000.000đ, quá hạn 51 ngày, lãi 2.890.000đ; ngày 28/06/2019 trả 100.000.000đ, quá hạn 72 ngày là 2.040.000đ; ngày 23/07/2019 trả 100.000.000đ, quá hạn 97 ngày là 2.748.333đ và ngày 16/8/2019 trả phần còn lại 9.409.786đ, quá hạn 121 ngày, lãi 322.599đ.

15. Ngày 28/03/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0001787 với số tiền 207.067.013đ cho Công ty C, ngày 16/08/2019 trả 90.590.214đ, quá hạn 111 ngày, lãi 2.849.062đ; trả phần còn lại vào ngày 12/09/2019 với số tiền 116.476.799đ, quá hạn 138 ngày, lãi chậm thanh toán 4.554.243đ.

16. Ngày 24/04/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0001939 với số tiền 230.953.393đ cho Công ty C. Đến ngày 12/09/2019 trả 83.523.201đ, quá hạn 111 ngày, lãi chậm thanh toán 2.626.805đ; phần còn lại trả vào ngày 27/09/2019 là 147.430.192đ, quá hạn 126 ngày, lãi chậm thanh toán 5.263.258đ.

17. Ngày 14/05/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 000068 với số tiền 212.172.251đ cho Công ty C. Đến ngày 27/09/2019 trả 52.569.808đ, quá hạn 106 ngày, lãi chậm thanh toán 1.578.847đ; ngày 27/10/2019, trả 100.000.100đ, quá hạn 131 ngày, lãi chậm thanh toán 3.711.667đ; phần còn lại trả vào ngày 23/10/2019 là 68.602.443đ, quá hạn 132 ngày, lãi chậm thanh toán 2.565.7318đ.

18. Ngày 06/06/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000197 với số tiền 234.066.177đ cho Công ty C. Đến ngày 23/10/2019, trả 31.397.808đ, quá hạn 109 ngày, lãi chậm thanh toán 996.661đ; ngày 23/11/2019, trả 200.000.100đ, quá hạn 140 ngày, lãi chậm thanh toán 7.933.333đ; phần còn lại trả vào ngày 24/12/2019 là 2.668.620đ, quá hạn 171 ngày, lãi chậm thanh toán 129.295đ.

19. Ngày 28/06/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000307 với số tiền 234.990.818đ cho Công ty C. Đến ngày 24/12/2019 trả 231.234.056đ, quá hạn 149 ngày, lãi chậm thanh toán 9.761.931đ; phần còn lại trả vào ngày 30/12/2019 là 3.756.762đ, quá hạn 155 ngày, lãi chậm thanh toán 164.984đ.

20. Ngày 11/07/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000374 với số tiền 229.791.401đ cho Công ty C. Đến ngày 30/12/2019, trả 210.644.618đ, quá hạn 142 ngày, lãi chậm thanh toán 8.474.935đ; phần còn lại trả vào ngày 7/01/2020 là 19.146.783đ, quá hạn 150 ngày, lãi chậm thanh toán 813.738đ.

21. Ngày 16/08/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000595 với số tiền 205.376.419đ cho Công ty C. Đến ngày 7/01/2020 trả 205.736.419đ, quá hạn 114 ngày, lãi chậm thanh toán 6.633.658đ.

22. Ngày 10/09/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000728 với số tiền 47.355.000đ cho Công ty C. Đến ngày 7/01/2020 trả 9.379.474đ, quá hạn 89 ngày, lãi chậm thanh toán 236.519đ; phần còn lại trả vào ngày 4/02/2020 là 37.975.526đ, quá hạn 117 ngày, lãi chậm thanh toán 1.258.889đ.

23. Ngày 13/09/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000740 với số tiền 186.924.698đ cho Công ty C. Đến ngày 4/02/2020 trả 89.241.358đ, quá hạn 114 ngày, lãi chậm thanh toán 2.882.496đ; ngày 6/02/2020 trả 30.000.000đ, quá hạn 11 ngày, lãi chậm thanh toán 986.000đ; phần còn lại trả vào ngày 18/02/2020 là 67.683.340đ, quá hạn 128 ngày, lãi chậm thanh toán 2.454.649đ.

24. Ngày 27/09/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000821 với số tiền 199.573.596đ cho Công ty C. Đến ngày 18/02/2020 trả 82.072.562đ, quá hạn 114 ngày, lãi chậm thanh toán 2.650.944đ; phần còn lại trả vào ngày 4/3/2020 là 117.501.034đ, quá hạn 129 ngày, lãi chậm thanh toán 4.294.663đ.

25. Ngày 25/10/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000974 với số tiền 149.443.844đ cho Công ty C. Đến ngày 4/3/2020 trả 32.498.966đ, quá hạn 101 ngày, lãi chậm thanh toán 930.012đ; phần còn lại trả vào ngày 3/4/2020 là 116.944.878đ, quá hạn 131 ngày, lãi chậm thanh toán 4.340.604đ.

26. Ngày 23/11/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0001159 với số tiền 155.460.920đ cho Công ty C. Đến ngày 3/4/2020 trả 13.055.122đ, quá hạn 102 ngày, lãi chậm thanh toán 377.293đ; phần còn lại 142.405.789đ đến nay chưa trả, quá hạn 514 ngày, lãi chậm thanh toán 20.739.031đ.

27. Ngày 25/12/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000094 với số tiền 233.902.676đ cho Công ty C, đến nay chưa trả vốn nên tính đến ngày 21/5/2021, trễ hạn 482 ngày, phát sinh lãi chậm thanh toán 31.943.309đ.

28. Ngày 31/12/2019, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000129 với số tiền 165.203.170đ cho Công ty C, đến nay chưa trả vốn nên trễ hạn 476 ngày, tính lãi 22.280.401đ.

29. Ngày 07/01/2020, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000167 với số tiền 233.229.225đ, đến nay chưa trả vốn nên trễ hạn 469 ngày, tính lãi 1,25%/tháng là 45.576.878đ.

30. Ngày 04/02/2020, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000230 với số tiền 155.439.239đ cho Công ty C, đến nay chưa trả vốn nên trễ hạn 441 ngày, tính lãi 1,25%/tháng là 28.561.960đ.

31. Ngày 18/02/2020, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000301 với số tiền 149.755.902đ cho Công ty C, đến nay chưa trả vốn nên trễ hạn 427 ngày, tính lãi 1,25%/tháng là 26.644.071đ.

32. Ngày 4/3/2020, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000410 với số tiền 151.312.762đ cho Công ty C, đến nay chưa trả vốn nên trễ hạn 412 ngày, tính lãi 1,25%/tháng là 25.975.357đ.

33. Ngày 3/4/2020, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000547 với số tiền 132.520.592đ cho Công ty C, đến nay chưa trả vốn nên trễ hạn 382 ngày, tính lãi 1,25%/tháng là 21.092.861đ.

34. Ngày 20/6/2020, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0001059 với số tiền 136.619.277đ, đến nay chưa trả vốn nên trễ hạn 304 ngày, tính lãi 1,25%/tháng là 17.305.108đ.

Ngoài ra, Công ty gỗ K và Công ty C có ký kết một hợp đồng mua bán số 0060/2020/HĐMB vào ngày 08/4/2020, với số tiền là 698.211.135đ, qua 03 lần giao hàng, tương ứng với các hoá đơn: 0000569, 0000589, 0000638. Hiện nay Công ty C đã trả vốn 344.469.277đ, còn nợ vốn 353.741.858đ và lãi đến ngày 21/5/2021 là 74.054.185đ, cụ thể như sau:

1. Ngày 8/4/2020, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000569 với số tiền 231.814.312đ cho Công ty C, vào ngày 20/7/2020, Công ty C trả vốn 186.619.277đ, quá hạn 73 ngày, lãi chậm thanh toán 5.676.366đ; phần còn lại trả vào ngày 19/8/2020 là 45.195.035đ, quá hạn 103 ngày, lãi chậm thanh toán 1.939.620đ.

2. Ngày 13/4/2020, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000589 với số tiền 231.814.312đ cho Công ty C, vào ngày 19/8/2020, Công ty C trả vốn 12.654.965đ, quá hạn 98 ngày, lãi chậm thanh toán 516.744đ; ngày 01/3/2021, Công ty C trả tiếp 100.000.000đ, quá hạn 292 ngày, lãi chậm thanh toán 12.166.667đ; phần còn lại 119.159.347đ, đến nay chưa trả.

3. Ngày 24/4/2020, Công ty gỗ K có giao hàng ván MDF, hóa đơn số 0000638 với số tiền 234.582.511đ cho Công ty C, đến nay chưa trả, lãi 32.285.119đ.

Đối với Hợp đồng này do hai bên thoả thuận sẽ giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài Quốc Tế Việt Nam, nên sẽ được tách riêng biệt và không liên quan đến công nợ của những giao dịch theo Hợp đồng mua bán số: 081/2020/HĐNT ngày 8/4/2020. Công ty gỗ K xin rút lại yêu cầu này.

Công ty gỗ K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty C trả vốn 1.500.388.641đ (một tỷ năm trăm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng), lãi chậm thanh toán là 333.295.727đ. Cộng vốn và lãi là 1.833.648.368đ và xin rút lại phần khởi kiện Hợp đồng mua bán số 0060/2020/HĐMB vào ngày 08/4/2020, với số tiền là 695.442.938đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C trình bày như sau:

Công ty C (còn viết tắt là bị đơn) và Công ty gỗ K (còn viết tắt là nguyên đơn) có ký kết Hợp đồng mua bán gỗ như nguyên đơn trình bày. Bị đơn thừa nhận từ ngày 06/4/2018 đến ngày 20/7/2020 đã mua hàng của nguyên đơn 32 lần với tổng số tiền 6.017.160.354đ, bị đơn đã trả 5.286.513.458đ (trong đó có 02 lần được trả sau khi nguyên đơn khởi kiện là ngày 19/8/2020 trả 57.850.000đ và ngày 01/3/2021 trả 100.000.000đ). Bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn vốn là 730.646.896đ và lãi đến ngày 21/5/2021 là 233.564.119đ, nên chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền trên, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty gỗ K đã xin rút lại yêu cầu giải quyết theo Hợp đồng mua bán số: 0060/2020/HĐMB vào ngày 08/4/2020, việc này bị đơn đồng ý.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K.

Buộc Công ty TNHH một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K vốn 1.500.388.641đ và lãi 333.295.727đ. Cộng vốn và lãi là 1.833.648.368đ (một tỷ tám trăm ba mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi mức lãi suất theo quy định tại Điều 468, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

Đình chỉ yêu cầu của Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K về yêu cầu giải quyết Hợp đồng mua bán số 0060/2020/HĐMB, ngày 08/4/2020.

2 . Về án phí, tạm ứng án phí:

Công ty TNHH một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C phải chịu 67.009.500đ (sáu mươi bảy triệu không trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K 39.089.000đ (ba mươi chín triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0005495, ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2021 bà Phan T đại diện cho Công ty TNHH một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C là bị đơn trong vụ án đã kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C là ông Vũ T trình bày: bị đơn chỉ thống nhất còn nợ nguyên đơn Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K theo Hợp đồng nguyên tắc số: 42/2019/ HĐNT ngày 01/01/2019 và Hợp đồng nguyên tắc số: 081/2020/HĐNT ngày 02/01/2020 với số tiền là 1.500.388.641 đồng, tuy nhiên trừ số tiền 344.469.277 đồng theo 03 Ủy nhiệm chi đã được bị đơn trả cho nguyên đơn sau khi nguyên đơn khởi kiện, trừ số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn thể hiện theo Sổ chi tiết công nợ gồm: 165.000.000 đồng vào ngày 09/11/2018 + 250.285.844 đồng vào ngày 21/01/2019 và trừ số tiền bị đơn đã

trả cho nguyên đơn còn thừa 48.157.502 đồng, nên bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn gốc là 692.476.018 đồng (1.500.388.641đ - 344.469.277đ - 165.000.000đ - 250.285.844đ - 48.157.502đ). Đối với số tiền lãi thì Công ty C chỉ thống nhất trả lãi cho Công ty gỗ K số tiền 331.587.986 đồng (333.295.727đ – số tiền nguyên đơn tính nhằm lãi tại mục 34, trang 5 của Bản án sơ thẩm: 1.707.741đ), lãi tính đến ngày 20/5/2021. Vì vậy, Công ty C thay đổi kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó bị đơn chỉ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 692.476.018 đồng và lãi là 331.587.986 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.024.064.004 đồng.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K là ông Lê T trình bày: Theo trình bày của bị đơn Công ty TNHH một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C thì tổng số tiền phía bị đơn đã thanh toán cho Công ty gỗ K đã được nguyên đơn thực hiện hạch toán như sau:

Ngày thanh toán của bị đơn	Số tiền bị đơn đã thanh toán	Số tiền MDF đã hạch toán theo từng hoá đơn	Số tiền của hoá đơn	Số hoá đơn
07/11/2018	165.000.000đ	165.000.000đ	188.227.734đ	0000816
26/11/2018	236.385.235đ	23.227.734đ		
		213.157.501đ	236.385.235đ	0000966
21/01/2019	250.285.884đ	23.227.734đ		
		227.058.150đ	227.058.150đ	0001063
Tổng cộng	651.671.119đ		651.671.119đ	

+ Số tiền 165.000.000 đồng phía bị đơn đã thanh toán ngày 07/11/2018 được nguyên đơn hạch toán chi trả cho hoá đơn số 00816, tổng số tiền của hoá đơn là 188.227.734 đồng, nguyên đơn đã hạch toán toàn bộ số tiền này, còn nợ lại của hoá đơn này là số tiền 23.227.734 đồng.

+ Số tiền 236.385.235 đồng phía bị đơn đã thanh toán ngày 26/11/2018 được nguyên đơn hạch toán chi trả tiếp cho hoá đơn số 00816, với số tiền còn lại của hoá đơn này là 23.227.734 đồng. Số còn lại là 213.157.501 đồng đã được nguyên đơn hạch toán trả tiếp cho hoá đơn số 0000966, tổng số tiền của hoá đơn 0000966 là 236.385.235 đồng, còn nợ lại của hoá đơn 0000966 là số tiền 23.227.734 đồng.

+ Số tiền 250.285.884 đồng phía bị đơn đã thanh toán ngày 21/01/2019 được nguyên đơn hạch toán chi trả tiếp cho hoá đơn số 0000966 với số tiền còn

lại của hoá đơn này là 23.227.734 đồng. Số còn lại là 227.058.150 đồng đã được nguyên đơn hạch toán trả hết cho hoá đơn số 0001063, tổng số tiền của hoá đơn 0000966 là 227.058.150 đồng.

Do số tiền 165.000.000 đồng và 250.285.884 đồng bị đơn đã thanh toán đã được nguyên đơn hạch toán như nêu trên, nên không còn số tiền thừa 48.157.502 đồng để trừ vào số tiền nợ gốc 1.500.388.641 đồng như trình bày của bị đơn. Đối với số tiền của Ủy nhiệm chi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 344.469.277 đồng thì Công ty gỗ K đã trừ vào công nợ của Hợp đồng mua bán số: 0060/2020/HĐMB, ngày 8/4/2020, vì trong 03 Ủy nhiệm chi này, Công ty C không ghi cụ thể trả cho Hợp đồng nào. Ngoài ra, Công ty C thừa nhận vẫn còn nợ Hợp đồng mua bán số: 0060/2020/HĐMB đã quá hạn thanh toán và có thỏa thuận thanh toán cho hợp đồng này sau khi đã được Công ty gỗ K giao hàng.

Riêng đối với phần tính lãi của hoá đơn 0001059 (theo mục 34, trang 5 của Bản án sơ thẩm): Nguyên đơn thống nhất đính chính lại ngày xuất hoá đơn là ngày 20/7/2020 không phải là ngày 20/6/2020, với số tiền gốc là 136.619.277đ. Ngày bắt đầu tính lãi là 19/8/2020, đến ngày 20/5/2021 trễ hạn 274 ngày chứ không phải là 304 ngày, áp dụng lãi suất 15%/năm/360 ngày, số tiền lãi là 15.597.367 đồng chứ không phải là 17.305.108 đồng, nên gốc và lãi là 152.216.644 đồng (Đính kèm Bảng tính công nợ và lãi chậm thanh toán của Công ty C (theo HĐNT 081/2020/HĐNT) lãi tính đến hết ngày 20/5/2021, ngày lập Bảng tính Công nợ ngày 30/6/2022).

Như đã nêu trên, nguyên đơn Công ty gỗ K không thống nhất kháng cáo của bị đơn Công ty C, mà yêu cầu Tòa án phúc thẩm buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/5/2021 được xác định lại là 1.831.976.627 đồng (gồm gốc 1.500.388.641đ + lãi 331.587.986đ) và tiếp tục tính lãi trên dư nợ gốc cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để giải quyết phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng phúc thẩm và Thư ký phiên tòa: Hội đồng phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết phúc thẩm vụ việc; Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty C theo sự tự nguyện điều chỉnh phần tính lãi của nguyên đơn Công ty gỗ K đối với hoá

đơn 0001059 (mục 34, trang 5 của Bản án sơ thẩm). Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc Công ty C có nghĩa vụ trả cho Công ty gỗ K số tiền mua hàng hóa còn nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/5/2021 là 1.831.976.627 đồng (gồm nợ gốc 1.500.388.641đ + lãi 331.587.986đ), đồng thời điều chỉnh lại án phí sơ thẩm mà Công ty C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bà Phan T đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty C không thống nhất bản án sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L (còn viết tắt là bản án sơ thẩm), nên đã kháng cáo. Việc Công ty C nộp Đơn kháng cáo ngày 04/6/2021 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa nguyên đơn Công ty gỗ K là bên bán và bị đơn Công ty C là bên mua (còn gọi là các bên hoặc hai bên) có ký kết 02 (hai) hợp đồng mua bán các loại ván gỗ MDF theo Hợp đồng nguyên tắc số: 42/2019/HĐNT ngày 01/01/2019 và Hợp đồng nguyên tắc số: 081/2020/HĐNT, ngày 02/01/2020. Các bên thỏa thuận kể từ ngày bên bán giao hàng, bên mua phải trả đủ số tiền theo hóa đơn trong thời hạn 30 ngày, nếu sau 30 ngày bên mua không thanh toán đủ thì phải chịu lãi chậm thanh toán. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty gỗ K đã giao hàng cho Công ty C theo 34 hóa đơn với số tiền là 6.442.432.822 đồng, Công ty C đã thanh toán cho Công ty gỗ K được số tiền 4.942.044.181 đồng, còn nợ lại 1.500.388.641 đồng. Do Công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết, nên Công ty gỗ K yêu cầu Công ty C trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/5/2021 là 1.831.976.627 đồng (gồm gốc 1.500.388.641đ + lãi 331.587.986đ). Ngoài ra, Công ty gỗ K và Công ty C còn ký kết hợp đồng mua bán số: 0060/2020/HĐMB vào ngày 08/4/2020, Công ty gỗ K đã giao hàng cho Công ty C theo 03 hóa đơn với số tiền là 698.211.135đ, Công ty C đã thanh toán 344.469.277 đồng, còn nợ lại 353.741.858 đồng, nguyên đơn xin rút lại phần khởi kiện Hợp đồng mua bán số: 0060/2020/HĐMB ngày 08/4/2020, sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Bị đơn Công ty C cho rằng thống nhất nợ nguyên đơn theo Hợp đồng nguyên tắc số: 42/2019/ HĐNT, ngày 01/01/2019 và Hợp đồng nguyên tắc

số: 081/2020/HĐNT, ngày 02/01/2020 với số tiền là 1.500.388.641 đồng, tuy nhiên cần trừ số tiền theo 03 Ủy nhiệm chi đã được bị đơn trả sau khi nguyên đơn khởi kiện là 344.469.277 đồng, trừ số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn thể hiện theo Sổ chi tiết công nợ: 165.000.000 đồng vào ngày 09/11/2018 + 250.285.844 đồng vào ngày 21/01/2019 và trừ số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn còn thừa là 48.157.502 đồng, nên chỉ còn nợ gốc là 692.476.018 đồng và lãi là 331.587.986 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.024.064.004 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Bởi lẽ, Công ty gỗ K đã cung cấp được đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã giao hàng với 34 lần xuất hóa đơn cho Công ty C theo Hợp đồng nguyên tắc số: 42/2019/HĐNT ngày 01/01/2019 và Hợp đồng nguyên tắc số: 081/2020/HĐNT ngày 02/01/2020 với số tiền là 6.442.432.822 đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 4.942.044.181 đồng, còn nợ lại 1.500.388.641 đồng. Việc này đã được phía bị đơn thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm (Theo văn bản ghi ý kiến của ông Vũ T đại diện hợp pháp của nguyên đơn ngày 24/6/2022) và phù hợp theo cam kết ngày 01/6/2020; Biên bản làm việc và Công văn xin giãn nợ ngày 20/6/2020 của Công ty C. Về tiền lãi chậm thanh toán đã được các bên thống nhất thỏa thuận mức lãi suất là 0,85%/tháng (tương đương 10,2%/năm/360 ngày) đối với Hợp đồng nguyên tắc số: 42/2019/HĐNT ngày 01/01/2019 và 1,25%/tháng (tương đương 15%/năm/360 ngày) đối với Hợp đồng nguyên tắc số: 081/2020/HĐNT ngày 02/01/2020. Riêng phần tính lãi của hoá đơn 0001059 (theo mục 34, trang 5 của Bản án sơ thẩm) thì nguyên đơn thống nhất đính chính lại ngày xuất hoá đơn là ngày 20/7/2020, với số tiền gốc là 136.619.277đ và lãi là 15.597.367 đồng (Đính kèm Bảng tính công nợ và lãi chậm thanh toán của Công ty C (theo HĐNT 081/2020/HĐNT) lãi tính đến hết ngày 20/5/2021, ngày lập Bảng tính Công nợ ngày 30/6/2022), nên tiền lãi chậm thanh toán được tính trên số dư nợ gốc (1.500.388.641đ) tính đến ngày 20/5/2021 là 331.587.986 đồng, xét là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty C có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/5/2021 là 1.831.976.627 đồng (gồm gốc 1.500.388.641đ + lãi 331.587.986đ), xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn như nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Bởi lẽ, đối với các Ủy nhiệm chi bị đơn đã trả cho nguyên đơn: ngày 20/7/2020 trả 186.619.277 đồng, ngày 19/8/2020 trả 57.850.000 đồng và ngày 01/3/2021 trả 100.000.000 đồng, nguyên đơn đã trừ vào công nợ của Hợp đồng mua bán số: 0060/2020/HĐMB ngày 08/4/2020, vì trong 03 Ủy nhiệm chi này, bị đơn không ghi cụ thể trả cho Hợp đồng nào và bị đơn thừa nhận vẫn còn nợ nguyên đơn theo Hợp đồng mua bán số: 0060/2020/HĐMB, do đó nguyên đơn trừ số tiền của 03 Ủy nhiệm chi này

vào Hợp đồng mua bán số 0060/2020/HĐMB là có cơ sở. Mặt khác, xét thấy số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn theo Hợp đồng mua bán số: 0060/2020/HĐMB là 698.211.135 đồng cũng đã quá thời hạn mà bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận trong hợp đồng, vì vậy nguyên đơn vẫn có quyền khấu trừ số tiền bị đơn đã chuyển trả theo 03 Ủy nhiệm chi đối với số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán số: 0060/2020/HĐMB.

Đối với việc Sổ chi tiết công nợ của nguyên đơn thể hiện bị đơn đã thanh toán số tiền 165.000.000 đồng vào ngày 09/11/2018 và số tiền 250.285.844 đồng vào ngày 21/01/2019, xét thấy đã được nguyên đơn quyết toán đúng và đã khấu trừ thể hiện theo Bảng tính công nợ và lãi chậm thanh toán của Công ty C ngày 31/5/2022 và ngày 30/6/2022 của Công ty gỗ K, nên không còn số tiền chênh lệch thừa 48.157.502 đồng để tiếp tục trừ vào số tiền nợ gốc 1.500.388.641 đồng. Về số tiền lãi 331.587.986 đồng được tính đến ngày 20/5/2021 mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả sau khi được điều chỉnh lại đã được bị đơn thừa nhận, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và sự thống nhất của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, việc bị đơn cho rằng chỉ thống nhất trả nguyên đơn nợ gốc là 692.476.018 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy là không có đủ cơ sở như đã phân tích trên, nên không được chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phan T đại diện hợp pháp cho bị đơn Công ty C; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo sự tự nguyện của nguyên đơn về điều chỉnh thời gian tính lãi đối với hoá đơn 0001059 (theo mục 34, trang 5 của Bản án sơ thẩm) và sửa án phí sơ thẩm mà bị đơn phải chịu là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù nguyên đơn có yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn tiếp tục tính lãi trên dư nợ gốc kể từ ngày 21/5/2021 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã không kháng cáo, nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét, giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn, do ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn đồng thời cũng không được bị đơn chấp nhận, mà cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm do nội dung này không bị kháng cáo.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bà Phan T đại diện hợp pháp cho bị đơn Công ty C được chấp nhận một phần và án sơ thẩm bị sửa, nên Công ty C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C;

2. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 và các Điều 91, 92, 93, 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 24, 50, 55 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K.

Buộc Công ty TNHH một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K số tiền mua hàng hóa còn nợ gốc là 1.500.388.641 đồng và lãi chậm thanh toán tính đến ngày 20/5/2021 là 331.587.986 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.831.976.627đ (Một tỷ, tám trăm ba mươi một triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2.2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K về việc yêu cầu giải quyết Hợp đồng mua bán số: 0060/2020/HĐMB ngày 08/4/2020.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C phải chịu 66.959.200đ (sáu mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, hai trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty cổ phần gỗ MDF VRG K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.089.000đ (ba mươi chín triệu, không trăm tám mươi chín nghìn đồng), theo biên lai thu số: 0005495, ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Công ty TNHH một thành viên thương mại sản xuất xuất nhập khẩu C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), theo biên lai thu số BI/2019/0014746 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)
Ngô Tấn L**